

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với
thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định
liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07
tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23
tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện
pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực
hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông
tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 23/TTr-STNMT
ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Tờ trình số 25/TTr-STNMT ngày 23 tháng 01 năm
2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải
số hóa đối với 124 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này cho phù hợp.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức, nhân viên thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Thực hiện tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố Danh mục TTHC	Tên thành phần hồ sơ phải số hóa
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ			
1	1.000049.000.00.00.H34	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ <i>(Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004010)</i>
2	1.011671.H34	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	1) Giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, tổ chức đối với cơ quan, tổ chức <i>(Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003837)</i> 2) Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 03 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 9 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP) <i>(Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004045)</i>
II	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			
1	1.012500.H34	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép (Mẫu 11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) <i>(Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004516)</i>
2	1.012501.H34	Trả lại giấy phép hành nghề	Quyết định số	1) Đơn đề nghị trả lại giấy phép (Mẫu 51 tại Phụ lục kèm

		khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004610)
3	1.012502.H34	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước (Mẫu 16 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004519) 2) Tờ khai đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan (Mẫu 17 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004520)
4	1.012505. H34	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004599)
5	1.004232.000.00.00.H34	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004569) 2) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm trở lên (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004570); thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m ³ /ngày đêm (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004529)
6	1.004228.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép (Mẫu 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004571)

				2) Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004572)
7	1.004223.000.00.00.H34	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004573) 2) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004580) 3) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004534) 4) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, đảm bảo mỗi tầng chứa nước khai thác tối thiểu 1 mẫu (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004576)
8	1.004211.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004536) 2) Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép (Mẫu 41 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004537) 3) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004538)

9	1.004122.000. 00.00.H34	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 49 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004581) 2) Văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004582) 3) Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu 52 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004583)
10	2.001738.000. 00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép (Mẫu 50 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004542) 2) Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài đơn đề nghị gia hạn giấy phép còn phải nộp kèm tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Nghị định này để chứng minh năng lực của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004543)
11	1.004253.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (Mẫu 51 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004584) 2) Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối

				với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004585)
12	1.009669.000.00.00.H34	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004599)
13	2.001770.000.00.00.H34	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004599)
14	1.004283.000.00.00.H34	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004599)
15	1.011516. H34	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt (Mẫu 15 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004548)
16	1.004179.000.00.00.H34	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024)	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt (Mẫu 05, Mẫu 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004594) 2) Đề án khai thác nước (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004595) 3) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004603) 4) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 6

				tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ khai thác nước biển; trừ khai thác nước mặt cho thủy điện, làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt, ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan, thi công công trình) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004597) 5) Lấy ý kiến và văn bản tổng hợp tiếp thu, giải trình (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước theo quy định tại khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước; khoản 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004598)
17	1.004167.000.00.00.H34	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 06, Mẫu 08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004601) 2) Đề án khai thác nước và tình hình thực hiện giấy phép (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004602) 3) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước mặt) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004603)
18	1.011518.H34	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị trả lại giấy phép (Mẫu 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004606) 2) Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và các nghĩa vụ khác có liên quan (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004607)

19	1.000824.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (Mẫu 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004606) 2) Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004607)
20	2.001850.000. 00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước (căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2023; Điều 28 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004564)
21	1.001740.000. 00.00.H34	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004598) 2) Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến (đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003871)
22	1.012503.H34	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Văn bản đề nghị cho ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004521) 2) Phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004522) 3) Sơ đồ, bản vẽ công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004523) 4) Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác có liên quan của dự án (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004524)
23	1.012504.H34	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất bao gồm (nội dung mô tả kết quả vận hành thử nghiệm; đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về lượng

				nước, chất lượng nước bổ sung nhân tạo) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004525)
III	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN			
1	1.000987.000.00.00.H34	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	* Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo đối với tổ chức: 1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004057) 2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3054) 3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3055) 4) Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia dự báo, cảnh báo, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004056) 5) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo (Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004059) * Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo đối với cá nhân:

				1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004057) 2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với nội dung xin cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3043) 3) Bản khai kinh nghiệm công tác, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004060) 4) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo (Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004059)
2	1.000970.000.00.00.H34	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn giấy phép theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004061) 2) Báo cáo kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn kể từ khi được cấp giấy phép hoặc được sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004062) 3) Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3048)

3	1.000943.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3050)
IV LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
1	1.010727.000. 00.00.H34	Cấp giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003738) 2) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003740) 3) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003746)
2	1.010728.000. 00.00.H34	Cấp đổi giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003709) 2) Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003750)
3	1.010729.000. 00.00.H34	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003701)
4	1.010730.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003738) 2) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003740) 3) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003746)
5	1.010733.000. 00.00.H34	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	* Hồ sơ đề nghị thẩm định: 1) Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003771)

				2) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương; (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3080) 3) Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003802) * Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng: 1) Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003800)
6	1.010735.000.00.00.H34	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	* Hồ sơ đề nghị thẩm định: 1) Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003794) * Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng: 1) Văn bản giải trình ý kiến thẩm định; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003795)
7	1.008675.000.00.00.H34	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	1) Đơn xin cấp Giấy phép (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3084) 2) Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3085) 3) Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3086)

				4) Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3087</i>)
8	1.008682.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	1) Đơn đăng ký (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3089</i>) 2) Dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ3090</i>)
V LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN				
1	1.004446.000.00.00.H34	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	* Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2386</i>) 2) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2360</i>) 3) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2503</i>) 4) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1274</i>) 5) Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1558</i>) * Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác

				khoáng sản: (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1275) 1) Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản 2) Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt 3) Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền 4) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền 5) Thuyết minh báo cáo, các bản vẽ kèm theo và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản. * Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1277) 2) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1277) 3) Phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1277) 4) Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ
--	--	--	--	--

				quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2524</i>)
2	1.004132.000.00.00.H34	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (<i>đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó</i>) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	1) Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0926</i>) 2) Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2495</i>) 3) Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2501</i>) * Đăng ký khối lượng cát thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch: 1) Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng; bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0929</i>) 2) Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2500</i>) 3) Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0931</i>)
3	1.004083.000.00.00.H34	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (<i>Mã số TPHS: 000.00.00.G13-KQ0868</i>)

4	1.004434.000. 00.00.H34	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2352</i>) 2) Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1359</i>)
5	1.004433.000. 00.00.H34	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2352</i>) 2) Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1359</i>)
6	1.000778.000. 00.00.H34	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2334</i>) 2) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2335</i>) 3) Đề án thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2336</i>) 4) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0250</i>)
7	1.004481.000. 00.00.H34	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2330</i>) 2) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2331</i>)

				3) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2332</i>) 4) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2450</i>)
8	2.001814.000.00.00.H34	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2319</i>) 2) Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1300</i>) 3) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2321</i>) 4) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2322</i>) 5) Các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2323</i>)
9	1.005408.000.00.00.H34	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1461</i>) 2) Giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1462</i>)

				3) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1463) 4) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1464)
10	2.001783.000.00.00.H34	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1195) 2) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1196) 3) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1197) 4) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2439)
11	1.004345.000.00.00.H34	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1185) 2) Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1186); Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1187) 3) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1188) 4) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng

				sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2430</i>)
12	1.004135.000. 00.00.H34	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0938</i>) 2) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại; Giấy phép khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0939</i>) 3) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0940</i>) 4) Đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1176</i>) 5) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2429</i>)
13	2.001787.000. 00.00.H34	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1144</i>) 2) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1334</i>) 3) Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2422</i>) 4) Báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003827</i>)

				5) Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2425</i>) 6) Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2426</i>) 7) Dữ liệu của tài liệu thăm dò ghi trên đĩa CD (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2427</i>)
14	1.004367.000.00.00.H34	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1106</i>) 2) Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1107</i>) 3) Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2420</i>) 4) Báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1109</i>) 5) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2282</i>) 6) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2419</i>)
15	2.001781.000.00.00.H34	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2410</i>) 2) Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản; dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1322</i>)

				3) Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2414</i>) 4) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1323</i>)
16	1.004343.000.00.00.H34	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2407</i>) 2) Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2408</i>) 3) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2409</i>)
17	2.001777.000.00.00.H34	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ2395</i>) 2) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép; Đề án đóng cửa mỏ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1216</i>) 3) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ1217</i>)
VI	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			
1	1.012752.H34	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy

		thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621) 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622) 3) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có) (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004623) 4) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (mà không sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp có nhà đầu tư quan tâm) mà chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực
--	--	--	--

				(bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004624) 5) Văn bản của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất về kết quả đấu giá quyền sử dụng đất không thành do đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có 01 người đăng ký tham gia đấu giá (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004625) 6) Văn bản về kết quả thực hiện việc nhận chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004626) 7) Văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất mà phải thu hồi đất (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất
--	--	--	--	---

				trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004627)
2	1.012755.H34	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621) 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622)
3	1.012757.H34	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621) 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622)

				3) Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu thầu (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004659)
4	1.012758.H34	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02c. Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004652) 2) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có) (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004623) 3) Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004698)

5	1.012759.H34	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02c. Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004652)
6	1.012760.H34	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02đ. Đơn đề nghị chuyển hình thức giao đất/cho thuê đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004654) 2) Một trong các giấy tờ sau đây: (i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu). Hoặc (ii) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu). Hoặc (iii) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004699).

7	1.012761.H34	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Hồ sơ giao đất, cho thuê đất đối với đất nông nghiệp do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng, gồm: 1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621) 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622) 3) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có) (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004623) 4) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
---	--------------	---	---	--

				(mà không sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp có nhà đầu tư quan tâm) mà chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004624) 5) Văn bản của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất về kết quả đấu giá quyền sử dụng đất không thành do đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có 01 người đăng ký tham gia đấu giá (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004625) 6) Phương án sử dụng đất đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004701) 7) Văn bản về kết quả thực hiện việc nhận chuyển
--	--	--	--	--

				nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004626) 8) Văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất mà phải thu hồi đất (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004627) * Hồ sơ giao đất, cho thuê đất đối với đất do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng, gồm: 1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621) 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622)
--	--	--	--	--

			3) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có) (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004623) 4) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (mà không sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp có nhà đầu tư quan tâm) mà chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004624) 5) Văn bản của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất về kết quả đấu giá quyền sử
--	--	--	--

				dụng đất không thành do đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có 01 người đăng ký tham gia đấu giá (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004625) 6) Văn bản về kết quả thực hiện việc nhận chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004626) 7) Văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất mà phải thu hồi đất (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004627) 8) Phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp tại địa phương đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản
--	--	--	--	--

				chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004702) 9) Phương án sử dụng đất đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt đối với diện tích đất thu hồi của công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng để giao đất, cho thuê đất quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 181 Luật Đất đai (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004703)
8	1.012762.H34	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02d. Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/ cho thuê đất/ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004653)
9	1.012763.H34	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính,	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02d. Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/ cho thuê đất/ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004653)

		quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		
10	1.012764.H34	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 07. Văn bản đề nghị đề nghị chấp thuận cho tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004711</i>) 2) Trích lục vị trí khu đất mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004712</i>)
11	1.012753.H34	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 05/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004628</i>) 2) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 4, khoản 5 Điều 148, khoản 4, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004629</i>)

				3) Sơ đồ hoặc bản trích lục bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004630) 4) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 05a/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004631) 5) Quyết định vị trí đóng quân hoặc văn bản giao cơ sở nhà đất hoặc địa điểm công trình quốc phòng, an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao quản lý, sử dụng đất, công trình gắn liền với đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004632) 6) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 của Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004633) 7) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004634) 8) Văn bản thỏa thuận về việc cấp chung một Giấy chứng nhận đối với trường hợp có nhiều người chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004635)
--	--	--	--	--

				9) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004793)
12	1.012754.H34	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 04/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004901) 2) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 4, khoản 5 Điều 148, khoản 4, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004629) 3) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004642) 4) Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004643) 5) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 của Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004633) 6) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004634) 7) Văn bản thỏa thuận về việc cấp chung một Giấy

				chứng nhận đối với trường hợp có nhiều người chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004646</i>) 8) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004793</i>)
13	1.012756.H34	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Đối với tổ chức trong nước, tổ chức kinh tế, người được giao quản lý đất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Luật Đất đai: 1) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 05/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004758</i>) 2) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 05a/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004631</i>) * Đối với cộng đồng dân cư thì nộp: 1) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004894</i>) 2) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất theo Mẫu số 05a/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004631</i>)
14	1.012765.H34	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	Quyết định số 498/QĐ-UBND	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số

		gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	ngày 23/8/2024	101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004770) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Hợp đồng hoặc văn bản về việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản về việc cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004664) 4) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004665) 5) Văn bản thỏa thuận về việc cấp chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp có nhiều người nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004666) 6) Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không có quyền sử dụng đất đối với thửa đất đó, trừ trường hợp tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004667) 7) Văn bản của bên nhận thế chấp về việc đồng ý cho bên thế chấp được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với
--	--	--	-----------------------	---

				trường hợp chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đang được thế chấp và đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004668) 8) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004793)
15	1.012820.H34	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004682) 4) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
16	1.012766.H34	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868)

				3) Văn bản về việc xóa cho thuê, xóa cho thuê lại quyền sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004675</i>) 4) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục thông qua người đại diện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774</i>)
17	1.012768.H34	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906</i>) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868</i>) 3) Đối với cá nhân nếu không khai thác được thông tin về cá nhân thì giấy tờ chứng minh về việc đổi tên, thay đổi thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004853</i>) Đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cộng đồng dân cư thì văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc đổi tên hoặc thay đổi thông tin theo quy định của pháp luật hoặc Văn bản về việc thay đổi quyền của người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật dân sự (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004687</i>). 4) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774</i>)
18	1.012769.H34	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy	Quyết định số 498/QĐ-UBND	* Hồ sơ đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài

		chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	ngày 23/8/2024	sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Giấy tờ theo quy định tại các Điều 148, Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có), sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ quy định tại các Điều 148, Điều 149 của Luật Đất đai đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng); hồ sơ thiết kế xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 của Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004865) 4) Giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện về việc đủ điều kiện tồn tại công trình xây dựng đó theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ trước đây và thuộc khu vực phải xin phép xây dựng) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004866) 5) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
--	--	---	----------------	--

				* Hồ sơ đăng ký biến động do gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản chấp thuận gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của cơ quan có thẩm quyền (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004694) 4) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
19	1.012770.H34	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản về việc thành lập tổ chức sau khi thay đổi (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004705) 4) Quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc văn bản về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004706)

				5) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004780) 6) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
20	1.012772.H34	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản thỏa thuận về việc thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004713) 4) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004780) 5) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) * Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục

		sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản về việc cho phép thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm của cơ quan, người có thẩm quyền (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004842) 4) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004780) 5) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) * Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản cho phép bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của cơ
--	--	---	---

				quan có thẩm quyền (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004845) 4) Hợp đồng mua bán tài sản công là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với trường hợp bán tài sản, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004846) 5) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004780) 6) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) * Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Một trong các văn bản sau: Biên bản hòa giải thành hoặc văn bản công nhận kết quả hòa giải thành được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai đã có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định về thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành hoặc Quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên
--	--	--	--	--

				phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004855) 4) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004665) 5) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) * Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Một trong các văn bản sau: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; hoặc Hợp đồng chuyển nhượng hoặc hợp đồng chuyển giao khác về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất giữa người có quyền chuyển nhượng, bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất với người nhận chuyển nhượng; hoặc Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc văn bản xác nhận kết quả thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự; hoặc Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền
--	--	--	--	---

				với đất hoặc văn bản khác có thỏa thuận về việc bên nhận thế chấp có quyền được nhận chính tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004856) 4) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004665) 5) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
21	1.012793.H34	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004778) 4) Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quyền sử dụng đất của hộ gia đình (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004779) 5) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004780) 6) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai,

				tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
22	1.012794.H34	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết của cơ quan có thẩm quyền; giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004772) 4) Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản đồ quy hoạch xây dựng chi tiết và bản đồ địa chính hoặc mảnh trích đo bản đồ địa chính đối với trường hợp chủ đầu tư dự án đã được cấp Giấy chứng nhận cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án mà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004773) 5) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
23	1.012795.H34	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)

				2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc thanh toán nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004792) 4) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
24	1.012815.H34	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
25	1.012813.H34	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 3) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; chứng từ nộp phạt của người sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004872)

				4) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
26	1.012781.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Giấy tờ về việc nhận chuyển quyền sử dụng đất của phần diện tích tăng thêm (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004735) 4) Văn bản về việc đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
27	1.012782.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01/7/2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004868) 3) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
28	1.012783.H34	Cấp đổi Giấy chứng nhận	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004758)

				2) Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với trường hợp trích đo địa chính thửa đất thay đổi kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004748</i>)
29	1.012784.H34	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 01/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004749</i>) 2) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất lập theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004750</i>) 3) Giấy chứng nhận đã cấp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đã cấp kèm bản gốc để đối chiếu hoặc nộp bản sao có công chứng, chứng thực (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004751</i>) 4) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền có thể hiện nội dung tách thửa đất, hợp thửa đất (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004752</i>)
30	1.012786.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906</i>)
31	1.012788.H34	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 05/ĐK hoặc Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004758</i>) 2) Giấy chứng nhận đã cấp cho bên chuyển nhượng dự án; chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004759</i>)

				Trường hợp quyền sử dụng đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận thì nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng dự án, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án. 3) Văn bản cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án của cơ quan có thẩm quyền (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004760</i>) 4) Hợp đồng chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án theo quy định của pháp luật (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004761</i>) 5) Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất theo Mẫu số 02/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004780</i>) 6) Mảnh trích đo bản đồ địa chính đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án mà quyền sử dụng đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận đã được Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004763</i>)
32	1.012790.H34	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906</i>) 2) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807</i>) 3) Giấy tờ chứng minh sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính hoặc sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004766</i>)

33	1.012791.H34	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản kiến nghị việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định của pháp luật đất đai (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004767</i>) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807</i>)
34	1.012785.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906</i>) 2) Hợp đồng, văn bản về chuyển quyền sử dụng đất đã lập theo quy định đối với trường hợp chỉ có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền sử dụng đất đã lập theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004753</i>) 3) Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền (đối với trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất nhưng không có hợp đồng) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004754</i>)
35	1.012787.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Đối với chủ đầu tư dự án (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004756</i>): 1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý về nhà ở, công trình xây dựng xác nhận nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng đủ điều kiện được đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng 2) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý về kinh doanh bất động sản xác nhận quyền sử dụng đất, tài sản

			gắn liền với đất đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản 3) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP 4) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng theo quy định của pháp luật 5) Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng 6) Giấy chứng nhận đã cấp cho chủ đầu tư dự án 7) Chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Văn phòng đăng ký đất đai nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dự án được điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết mà làm phát sinh nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. * Đối với người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng: (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004757) 1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP 2) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng theo quy định của pháp luật 3) Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng
--	--	--	---

36	1.012789.H34	Cung cấp dữ liệu đất đai	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004764</i>)
37	1.012792.H34	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin gia hạn sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004786</i>) 2) Một trong các giấy tờ sau: (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004787</i>) + Một trong các giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị pháp lý và không phải cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất + Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ + Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. + Bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực

				hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu
38	1.012802.H34	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004822</i>) 2) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép thay đổi thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004823</i>). 3) Một trong các giấy tờ sau đây: + Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai; (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004825</i>). + Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004826</i>).
39	1.012803.H34	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Hồ sơ đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích bao gồm: 1) Văn bản đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004828</i>)

				2) Phương án sử dụng đất kết hợp; (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004829) 3) Giấy chứng nhận đã cấp hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai. (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004830) * Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hồ sơ gồm: 1) Văn bản đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp. (bản chính) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004831)
40	1.012821.H34	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004907) 2) Phương án sử dụng đất 3) Bản đồ địa chính có thể hiện ranh giới sử dụng đất hoặc hồ sơ ranh giới sử dụng đất của Công ty nông, lâm nghiệp; bản tổng hợp diện tích các loại đất của công ty nông, lâm nghiệp 4) Tài liệu khác có liên quan (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0663)

41	1.012805.H34	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản phô tô hoặc có công chức hoặc có chứng thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004833) 2) Đơn yêu cầu yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004818) 3) Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã (bản phô tô hoặc có công chức hoặc có chứng thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004618) 4) Các giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng đất (bản phô tô hoặc có công chức hoặc có chứng thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004620)
VI	LĨNH VỰC TỔNG HỢP			
1	1.004237.H34	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	1) Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003935) 2) Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003936)
B	CẤP HUYỆN			
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			
1	1.001662.000.00.00.H34	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1) Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình) theo Mẫu số 13 Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004566)

				2) Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ) theo Mẫu số 14 Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004567</i>)
2	1.001645.000.00.00.H34	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	Không quy định thành phần hồ sơ đối với thủ tục này (<i>theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>)
II LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
1	1.010723.000.00.00.H34	Cấp giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003738</i>) 2) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003744</i>) 3) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003734</i>)
2	1.010724.000.00.00.H34	Cấp đổi giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003709</i>) 2) Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi (<i>Mã TPHS 000.00.00.G13-KQ003750</i>)
3	1.010725.000.00.00.H34	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003701</i>)

4	1.010726.000. 00.00.H34	Cấp lại giấy phép môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003738</i>) 2) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003740</i>) 3) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003746</i>)
III	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			
1	1.012771.H34	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ00462</i>). 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622</i>). 3) Văn bản của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất về kết quả đấu giá quyền sử dụng đất không thành do đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có 01 người đăng ký tham gia đấu giá (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004625</i>) 4) Văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức hoặc sự thỏa thuận của các

				thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất mà phải thu hồi đất (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004714) 5) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có) (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004623) 6) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (mà không sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp có nhà đầu tư quan tâm) mà chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực
--	--	--	--	---

				(bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004624)
2	1.012773.H34	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622) 2) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621)
3	1.012774.H34	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004725) 2) Văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có) (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004623)

				3) Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004726)
4	1.012775.H34	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004725)
5	1.012776.H34	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02đ. Đơn đề nghị chuyển hình thức giao đất/cho thuê đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004654) 2) Một trong các giấy tờ sau đây: (i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu). Hoặc (ii) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai (bản chính hoặc bản sao; trường

				hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu). Hoặc (iii) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ (bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004727)
6	1.012777.H34	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02d. Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004653)
7	1.012778.H34	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Mẫu số 02d. Đơn đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004653)

8	1.012779.H34	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621) 2) Đơn xin thuê đất đối với trường hợp xin thuê đất (Mẫu số 02b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004622) 3) Văn bản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất (bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004728)
9	1.012780.H34	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin giao đất đối với trường hợp xin giao đất (Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004621)

		quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở		
10	1.012814.H34	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất:

		sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	1) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004901) 2) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 1, khoản 5 Điều 148, khoản 1, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai, sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (nếu có). Trường hợp thửa đất gốc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai mà có phần diện tích đất tăng thêm đã được cấp Giấy chứng nhận thì nộp giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận đã cấp cho phần diện tích tăng thêm (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004895) 3) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật về đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004642) 4) Giấy tờ về việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về dân sự và giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật Đất đai (Không có mã) 5) Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 của Luật Đất đai (nếu có) (Không có mã) 6) Giấy tờ liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp có vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004888)
--	--	--	--

				7) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền đối với thửa đất liền kề kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp có đăng ký quyền đối với thửa đất liền kề (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004896</i>) 8) Văn bản xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình đang sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình đang sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004889</i>) 9) Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004643</i>) 10) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc đã có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất nông nghiệp mà chủ sở hữu công trình không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 149 của Luật Đất đai hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004897</i>) 11) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, trong đó có thể hiện biện pháp khắc phục hậu quả là buộc đăng ký đất đai; chứng từ nộp phạt của người sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004898</i>)
--	--	--	--	--

				12) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004720</i>) 13) Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền đối với trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng mà chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004899</i>) 14) Giấy xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với nhà ở, công trình xây dựng thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 149 của Luật Đất đai (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004900</i>) 15) Văn bản thỏa thuận về việc cấp chung một Giấy chứng nhận đối với trường hợp có nhiều người chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004635</i>) 16) Văn bản về việc đại diện sự đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774</i>) * Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu
--	--	--	--	--

				đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đã có Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai 1) Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004657) 2) Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004902)
11	1.012817.H34	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004769) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807) 3) Văn bản về việc đại diện đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thông qua người đại diện (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774)
12	1.012786.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004906)
13	1.012796.H34	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004784) 2) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807)

				3) Giấy tờ chứng minh sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính hoặc sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004790</i>) 4) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục thông qua người đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự thì phải có văn bản về việc ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004774</i>)
14	1.012818.H34	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản kiến nghị việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định của pháp luật đất đai (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004767</i>) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807</i>)
15	1.012816.H34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận. 1) Văn bản tặng cho quyền sử dụng đất hoặc biên bản hợp giữa đại diện thôn, ấp, làng, bản, buôn, bom, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004806</i>) 2) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807</i>) 3) Trường hợp có biên bản hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất chỉ nộp bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004808</i>)

				* Trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận 1) Văn bản tặng cho quyền sử dụng đất hoặc biên bản hợp giữa đại diện thôn, ấp, làng, bản, buôn, bom, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004806) 2) Trường hợp có biên bản hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất không phải nộp giấy tờ quy định tại điểm này (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004810)
16	1.012807.H34	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn xin gia hạn sử dụng đất theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004786) 2) Một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị pháp lý và không phải cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004787) 3) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004802) 4) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp

				luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004803</i>)
17	1.012808.H34	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004838</i>) 2) Giấy chứng nhận đã cấp (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004807</i>)
18	1.012809.H34	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép thay đổi thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004823</i>) 2) Một trong các giấy tờ sau đây: + Văn bản đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004822</i>) + Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai; (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004825</i>) + Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. (bản chính, bản sao có chứng

				thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004826)
19	1.012810.H34	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	* Đối với hồ sơ đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích bao gồm: 1) Văn bản đề nghị sử dụng đất kết hợp đa mục đích (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004828) 2) Phương án sử dụng đất kết hợp; (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004829) 3) Giấy chứng nhận đã cấp hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai. (bản chính, bản sao có chứng thực hoặc công chứng; trường hợp nộp trực tiếp bản sao không có chứng thực hoặc công chứng thì người nộp hồ sơ xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004830) * Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hồ sơ gồm: 1) Văn bản đề nghị gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp. (bản chính) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004831)
20	1.012811.H34	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn yêu cầu yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (bản chính) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004617) 2) Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã (bản phô tô hoặc có công chức hoặc có chứng thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004618)

				3) Các giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng đất (bản phô tô hoặc có công chức hoặc có chứng thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004620)
C	CẤP XÃ			
I	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			
1	1.010736.000.0 0.00.H34	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	1) Văn bản lấy ý kiến tham vấn (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003801) 2) Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ003802)
2	1.004082.000.0 0.00.H34	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	1) Văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Tài nguyên và Môi trường cấp (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0865) 2) Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ0866)
II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			
1	1.012812.H34	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Đơn yêu cầu yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai (bản chính) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004840) 2) Các giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng đất (bản phô tô hoặc có công chức hoặc có chứng thực) (Mã TPHS: 000.00.00.G13-KQ004620)

Tổng số: Danh mục có 124 TTHC (95 TTHC cấp tỉnh, 26 TTHC cấp huyện và 03 TTHC cấp xã), gồm 449 thành phần hồ sơ phải số hóa.